

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				30%	0%	0%	0%	0%	20%	0%	50%				
1	162233434	LÊ QU?	ÂN	K16KTR1	0					6		8	5.2	Năm phẩy Hai	
2	162233437	NGUYỄN CÔNG	ANH	K16KTR1	0					9		10	6.8	Sáu phẩy Tám	
3	162233452	PHAN PHƯỚC	CHUNG	K16KTR1	0					6		6	4.2	Bốn phẩy Hai	
4	162233467	THÁI VIỆT	DUY	K16KTR1	7					8		10	8.7	Tám phẩy Bảy	
5	162233471	PHẠM XUÂN	HÀ	K16KTR1	3					8		8	6.5	Sáu phẩy Năm	
6	162233473	TRƯƠNG VIỆT MINH	HẢI	K16KTR1	0					10		2	0.0	Không	
7	162233479	NGUYỄN THỊ THUÝ	HÀNG	K16KTR1	10					8		6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
8	162233483	NGUYỄN	HẬU	K16KTR1	0					10		10	7.0	Bảy	
9	162233486	ĐẶNG QUANG	DIỆP	K16KTR1	0					10		8	6.0	Sáu	
10	162233487	LÊ TRUNG	HIẾU	K16KTR1	0					6		8	5.2	Năm phẩy Hai	
11	162233489	PHẠM NGỌC	HIẾU	K16KTR1	0					6		2	0.0	Không	
12	162233494	LÊ NGỌC	HOÀNG	K16KTR1	0					7		8	5.4	Năm phẩy Bốn	
13	162233496	THÁI BẢO	HOÀNG	K16KTR1	3					6		6	5.1	Năm phẩy Một	
14	162233502	LÊ QUANG	HÙNG	K16KTR1	10					9		6	7.8	Bảy phẩy Tám	
15	162233510	PHẠM NGUYỄN CÔNG HUY		K16KTR1	3					7		10	7.3	Bảy phẩy Ba	
16	162233520	LÊ ĐỨC	LÂM	K16KTR1	0					6		4	3.2	Ba phẩy Hai	
17	162233523	LÊ THỊ THUỶ	LIÊN	K16KTR1	7					7		8	7.5	Bảy phẩy Năm	
18	162233530	TRẦN HOÀNG	LUÂN	K16KTR1	7					5		4	5.1	Năm phẩy Một	
19	162233534	HỒ THỊ DIỄM	MI	K16KTR1	3					8		6	5.5	Năm phẩy Năm	
20	162233537	PHẠM HỒNG	MINH	K16KTR1	3					6		6	5.1	Năm phẩy Một	
21	162233546	NGUYỄN PHƯỚC	NGHĨA	K16KTR1	10					6		6	7.2	Bảy phẩy Hai	
22	162233551	LÊ HOÀNG QUỐC	NGŨ	K16KTR1	7					7		7	7.0	Bảy	
23	162233554	LÊ THỊ	NHÂN	K16KTR1	10					9		4	6.8	Sáu phẩy Tám	
24	162233558	NGUYỄN TRƯƠNG	PHÚ	K16KTR1	3					6		6	5.1	Năm phẩy Một	
25	162233563	PHẠM	PHƯƠNG	K16KTR1	7					10		4	6.1	Sáu phẩy Một	
26	162233564	BÙI THỊ LAN	PHƯƠNG	K16KTR1	0					9		8	5.8	Năm phẩy Tám	
27	162233569	LÊ ĐỨC	QUỐC	K16KTR1	3					6		8	6.1	Sáu phẩy Một	
28	162233572	TRẦN Đ?NH	QUYẾT	K16KTR1	0					6		2	0.0	Không	
29	162233575	CAO THIÊN	SƠN	K16KTR1	7					6		8	7.3	Bảy phẩy Ba	
30	162233576	LỘ THANH	TÂM	K16KTR1	3					9		6	5.7	Năm phẩy Bảy	
31	162233585	HOÀNG MINH	THANH	K16KTR1	7					6		6	6.3	Sáu phẩy Ba	
32	162233593	TRẦN THỊ THANH	THẢO	K16KTR1	7					7		10	8.5	Tám phẩy Năm	
33	162233596	NGUYỄN VĂN	THỊNH	K16KTR1	0					7		5	3.9	Ba phẩy Chín	
34	162233612	NGUYỄN HỮU	TIẾP	K16KTR1	0					8		5	4.1	Bốn phẩy Một	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				30%	0%	0%	0%	0%	20%	0%	50%				
35	162233616	NGUYỄN NHO	TOÀN	K16KTR1	7					6		5	5.8	Năm phẩy Tám	
36	162233618	HUỖNH MINH	TOÀN	K16KTR1	0					6		6	4.2	Bốn phẩy Hai	
37	162233626	HÀ XUÂN	TRUNG	K16KTR1	10					9		6	7.8	Bảy phẩy Tám	
38	162233633	TRẦN DUY	TÙNG	K16KTR1	3					8		8	6.5	Sáu phẩy Năm	
39	162233638	PHẠM BÁ	VINH	K16KTR1	3					5		8	5.9	Năm phẩy Chín	
40	162233642	NGUYỄN THỂ	VỮ	K16KTR1	3					5		6	4.9	Bốn phẩy Chín	
41	162236505	ĐẶNG QUỐC	HUY	K16KTR1	3					6		8	6.1	Sáu phẩy Một	
42	162236638	TRẦN VĂN	BẢO	K16KTR1	0					6		6	4.2	Bốn phẩy Hai	
43	162236640	ĐẶNG QUANG	LUẬN	K16KTR1	0					7		4	3.4	Ba phẩy Bốn	
44	162236643	TRẦN THANH	TỊNH	K16KTR1	10					7		4	6.4	Sáu phẩy Bốn	
45	162237656	NGUYỄN VIỆT	CUỜNG	K16KTR1	0					8		8	5.6	Năm phẩy Sáu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	39	87%	
2	Số sinh viên nợ	6	13%	
TỔNG CỘNG :		45	100%	

NGƯỜI LẬP

V? QU ỐC TOÀN

NGƯỜI KIỂM TRA

NGUYỄN THỊ HỒNG THU

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

(K? và ghi r? họ tên)

LÊ ĐỨC TRỌNG

Đà Nẵng, 17/11/2011

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(K? và ghi r? họ tên)

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ